TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2023/HS-PT
Ngày 11 tháng 4 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Minh Thịnh

Ông Phạm Công Mười

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau - Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 281/2022/TLPT-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Kiều D; Do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 483/2022/QĐPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2022.

- *Bị cáo có kháng cáo*: Nguyễn Kiều D, sinh năm 1984 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Khóm 6A, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Làm thuê, trình độ học vấn 12/12; con ông Nguyễn Phi H và bà Lê Tuyết Ph; chồng: Châu Quốc Kh (đã ly hôn), có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/10/2020 bị Tòa án nhân dân huyện TVT, tỉnh Cà Mau, xử phạt 09 tháng tù, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2022 đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Huỳnh Liêm E – Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau, (có mặt).

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Trần Ly Ph1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khóm 10, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau, (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại*: Luật sư Nguyễn Văn Tr – Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Thành H1, sinh năm 1952; nơi cư trú: Khóm 10, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau; (xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Trần Việt X, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp VX, xã PM, huyện PT, tỉnh Cà Mau; (có mặt).

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại là ông Lê Văn L và bà Đỗ Thị H2 không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2019, D rủ vợ chồng ông L hùn tiền mua đất bán lại kiếm lời. D nói: Ở thành phố Cà Mau có mảnh đất mua sau đó bán có lời nhiều, tin lời nên vợ chồng ông L đồng ý. Ông L đưa D 100.000.000 đồng cùng sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân của ông để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt Giấy chủ quyền), thỏa thuận ông L là người đứng tên Giấy chủ quyền. Đến đầu tháng 01/2020, D điện thoại cho ông L báo là đã *có Giấy chủ quyền rồi và có người mua đất nhưng Giấy chủ quyền do ông L đứng tên*. D yêu cầu vợ chồng ông L đến Văn phòng Công chứng Lê Thành H1 ký Hợp đồng ủy quyền để D đứng ra bán đất chia tiền lời, vợ chồng ông L đồng ý.

Ngày 08/01/2020, D gặp ông Nguyễn Trần Ly Ph1, D nói: D có mãnh đất ở thành phố Cà Mau muốn cầm cố giá 800.000.000đ. D đưa cho ông Ph1 xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN820986, họ tên Lê Văn L cấp ngày 08/8/2019, diện tích 254m^2 (viết tắt Giấy chủ quyền ông L đứng tên). Đồng thời, D đưa Hợp đồng ủy quyền do ông Lê Văn L và bà Đỗ Thị H2 ủy quyền cho D với nội dung: *"giao toàn quyền quyết định tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, được lập và ký các văn bản chuyển nhượng, tặng cho….."* đối với phần đất 254m^2. Tin tưởng là thật, ông Ph1 cùng với D đến Văn phòng công chứng Lê Thành H1 lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 800.000.000đ. Lúc này, D viết biên nhận cầm cố Giấy chủ quyền này cho ông Ph1 với giá 600.000.000đ, trong thời hạn 06 tháng, lãi suất thỏa thuận (8%/tháng). Trong thời hạn 02 tháng D không đóng lãi thì ông Ph1 có quyền sang tên theo quy định của pháp luật.

D đóng lãi cho ông Ph1 được 02 tháng, với số tiền 96.000.000đ thì ngưng đóng và lánh mặt. Đến ngày 10/7/2020, ông Ph1 đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau làm thủ tục sang tên, thì mới biết Giấy chủ quyền là giả nên ông Ph1 làm đơn tố giác.

* Kết luận giám định số 12/QĐ-PC09 ngày 07/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận:

- Phôi "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" số CN820986, họ tên Lê Văn L, ngày 08/8/2019 (ký hiệu A) *là giả*.

- Chữ ký, phía dưới chữ ký có họ tên Lâm Thái Hậu, dưới mục "GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI" trên "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" số CN 820986, họ tên Lê Văn L, ngày 08/8/2019 (ký hiệu A) so với chữ ký dưới mục "Tiến hành thu mẫu chữ ký của ông Thái Văn Hậu, kết quả như sau" trên "BIÊN BẢN V/v thu mẫu chữ ký" ngày 28/12/2020 (ký hiệu M2) là không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn màu đỏ dưới mục "GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI" trên "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" số CN820986, họ tên Lê Văn L, ngày 08/8/2019 (ký hiệu A) không phải do con dấu có hình dấu mẫu trên "BIÊN BẢN V/v thu mẫu hình dấu" ngày 28/12/2020 (ký hiệu M3) đóng ra.

** Quá trình điều tra còn chứng minh:*

Vào ngày 15/7/2019, Nguyễn Kiều D rủ vợ chồng ông L hùn tiền mua nhà, đất của Nguyễn Thị Linh tại khóm 7, thị trấn SĐ, huyện TVT. Sau đó, D thuê người phụ nữ tên Linh (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 3.000.000đ đóng giả chủ đất.

Ngày 31/7/2019, D hẹn vợ chồng ông L đến quán nước (không nhớ tên quán và địa chỉ cụ thể) tại thị trấn SĐ để gặp D bàn tính chuyện mua nhà - đất. D đưa cho vợ chồng Liêm xem "*Đơn xin xác nhận có nhà và đất ở ổn định"* người đứng tên là Nguyễn Thị Linh tại khóm 7, thị trấn SĐ, huyện TVT ghi ngày 10/02/2014 có xác nhận của Trưởng Ban nhân dân khóm 7 Đào Thanh Khởi và "*Giấy chuyển nhượng nhà và đất ở"* ngày 31/7/2019 ghi sẵn nội dung chuyển nhượng. Khoảng 30 phút sau, D điện thoại cho người tên Linh đến quán nước và giới thiệu là chủ đất. Tại đây Linh và bà H2 ký tên vào "*Giấy chuyển nhượng nhà và đất ở"* do D ghi sẵn nội dung chuyển nhượng, khi ký tên xong, Linh ra về. Vợ chồng ông L đưa cho D tiền hùn mua nhà - đất 175.000.000đ. D nói khi nào Trưởng khóm 7, thị trấn SĐ xác nhận xong, D sẽ đưa lại cho vợ chồng ông L "*Đơn xin xác nhận có nhà và đất ở ổn định"* và *"Giấy chuyển nhượng nhà và đất ở"*. Đến ngày 04/8/2019, D đưa cho vợ chồng ông L "*Đơn xin xác nhận có nhà và đất ở ổn định"* và *"Giấy chuyển nhượng nhà và đất ở"* nêu trên, có hình dấu *BND KHÓM TRƯỞNG KHÓM*, chữ ký xác nhận của ông Đào Thanh Khởi - Trưởng khóm 7, thị trấn SĐ.

*Kết luận giám định số 39/QĐ-PC09 ngày 31/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận:

- Chữ ký, chữ viết (không kể chữ ký, chữ viết "người nộp: Nguyễn Trần Ly Ph1") trên "Biên nhận" ngày 08/01/2020 (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết dưới mục "NGƯỜI NHẬN" trên "BIÊN BẢN GIAO, NHẬN bản kết luận điều tra vụ án hình sự" ngày 20/8/2020; "BIÊN BẢN GIAO NHẬN CÁO TRẠNG" ngày 30/9/2020 (ký hiệu M1, M2) và chữ ký, chữ viết trên "Tờ tường trình" ngày

15/10/2019, họ tên Nguyễn Kiều D (ký hiệu M3) là do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Kiều D" dưới mục "BÊN B"; "BÊN A" trên "HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN" chứng nhận ngày 06/01/2020; "HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT" chứng nhận ngày 08/01/2020 (ký hiệu A2, A3) so với chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Kiều D" dưới mục "Người viết tường trình"; "NGƯỜI KHAI"; "BỊ CAN"; "NHỮNG NGƯỜI THAM GIA ĐỐI CHẤT" trên tờ tường trình ngày 15/10/2019 , họ tên Nguyễn Kiều D; 05 (năm) "BIÊN BẢN GHI LỜI KHAI" ngày 03/12/2019; 27/12/2019; 10/12/2019; 06/02/2020; 27/5/2020; 03 (ba) "BIÊN BẢN HỎI CUNG BỊ CAN" ngày 18/6/2020; 24/6/2020; 04 (bốn) "BIÊN BẢN ĐỐI CHẤT" ngày 14/5/2020; 30/7/2020 (ký hiệu từ M3 đến M15) là do cùng một người ký và viết ra – (BL: 24-25).

* Kết luận giám định số 257/GĐ-PC09 ngày 08/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau xác định:

- Chữ viết, chữ số trên cuốn sổ tay, trang bìa có dòng chữ "TAYLOR SWIFT"; "GIẤY CHUYỂN NHƯỢNG NHÀ Ở VÀ ĐẤT Ở " ngày 31/7/2019 so với chữ viết, chữ số trên "Biên nhận" ngày 08/01/2020, ghi họ tên Nguyễn Kiều D; "TỜ TỰ KHAI" ngày 15/5/2021, ghi họ tên Nguyễn Kiều D; "TỜ TỰ NHẬN" ngày 27/9/2021, ghi họ tên Nguyễn Kiều D là do cùng một người viết ra;

- Chữ viết "Căn cứ vào đơn chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Linh chuyển cho bà Đỗ Thị H2 là sự thật. Kính chuyển đến các cấp lãnh đạo xem xét" dưới mục "XÁC NHẬN CỦA UBND (KHÓM 7)" trên "GIẤY CHUYỂN NHƯỢNG NHÀ Ở, ĐẤT Ở" ngày 31/7/2019 và chữ viết, chữ số trên "ĐƠN XIN XÁC NHẬN CÓ NHÀ Ở, ĐẤT Ở ỔN ĐỊNH " ngày 10/2/2014 so với chữ viết, chữ số trên "Biên nhận" ngày 08/01/2020, ghi họ tên Nguyễn Kiều D; "TỜ TỰ KHAI" ngày 15/5/2021, ghi họ tên Nguyễn Kiều D; "TỜ TỰ KHAI" ngày 29/7/2021, ghi họ tên Nguyễn Kiều D là không phải do cùng một người viết ra.

- Dấu chức danh "Khóm 7, ngày ….. tháng ….. năm 20 ….. TM. BND KHÓM TRƯỞNG KHÓM" và dấu tên **"**Đào Thanh Khởi" trên "Giấy chuyển nhượng nhà và đất ở" ngày 31/7/2019; "Đơn xin xác nhận có nhà ở, đất ở ổn định" ngày 10/02/2014 so với dấu chức danh "BAN NHÂN DÂN KHÓM 7, KT ngày ……/……/…..là không phải do cùng một mẫu dấu đóng ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ số ngày "10..2..4" trên "ĐƠN XIN XÁC NHẬN CÓ NHÀ Ở, ĐẤT Ở ỔN ĐỊNH" ngày 10/02/2014 so với chữ số trên "Biên nhận" ngày 08/01/2020, ghi họ tên Nguyễn Kiều D; "TỜ TỰ KHAI" ngày 15/5/2021, ghi họ tên Nguyễn Kiều D; "TỜ TỰ KHAI" ngày 15/5/2021, ghi họ tên Nguyễn Kiều D; "TỜ TỰ NHẬN" NGÀY 29/7/2021, ghi họ tên Nguyễn Kiều D có phải do cùng một người viết ra hay không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký dưới mục "TRƯỞNG KHÓM" ngày "10..2..4" trên "GIẤY CHUYỂN NHƯỢNG NHÀ Ở VÀ ĐẤT Ở" ngày 31/7/2019; "ĐƠN XIN XÁC NHẬN CÓ NHÀ Ở, ĐẤT Ở ỔN ĐỊNH" ngày

10/02/2014 (ký hiệu A2, A3) so với chữ ký của Đào Thanh Khởi trên "BIÊN BẢN V/v thu mẫu chữ ký" ngày 27/7/2021 (ký hiệu M5) có phải do một người ký ra hay không.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2022/HS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, đã quyết định:

Áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 341, điểm a Khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Kiều D phạm tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*, phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kiều D 03 (ba) năm tù về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* và 12 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù; Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 14/02/2022.

Buộc bị cáo Nguyễn Kiều D có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Văn L và bà Đỗ Thị H2 số tiền 275.000.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Kiều D có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Trần Ly Ph1 số tiền 504.000.000đ (Năm trăm lẻ bốn triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm thi hành án, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 4 năm 2022, bị cáo Nguyễn Kiều D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với các lý do: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết này cho bị cáo; bị cáo không biết giấy chứng nhận bị cáo dùng để chuyển nhượng cho bị hại là giấy tờ giả; bị cáo đã ly hôn chồng phải nuôi con nhỏ; số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại ít hơn so với các vụ án lừa đảo khác nhưng mức án 15 năm tù đối với bị cáo là quá nặng. Do đó, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có phấn đấu cải tạo sớm trở về lo cho gia đình và dạy dỗ con cái.

Ngày 20/4/2022, người bị hại là ông Nguyễn Trần Ly Ph1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do: Ông Lê Thành H1 và ông Trần Việt X tiến hành công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/01/2020 nhưng không phát hiện giấy chứng nhận đứng tên ông Lê Văn L là giả nhưng cấp sơ thẩm không đề cập xử lý trong vụ án này là không có cơ sở, cố tình bỏ lọt tội phạm. Ông Hưng và ông Xô đã không tuân thủ quy định của pháp luật công chứng, vi phạm Điều 17 Luật công chứng; vi phạm nghĩa vụ của công chứng viên. Việc không truy tố ông Hưng và ông Xô để xem xét trách nhiệm hình sự và dân sự là cố tình bỏ sót tội phạm, thực hiện sai quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu truy tố và xét xử ông Lê Thành H1 và ông Trần Việt X tội "Thiếu trách

nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" và buộc ông Hưng, ông Xô có trách nhiệm trả số tiền 504.000.000 đồng cho bị hại Ph.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- *Bị cáo Nguyễn Kiều D, trình bày:* Thừa nhận nội dung án sơ thẩm nêu trên là đúng, bị cáo đã có hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nhằm lừa dối để chiếm đoạt của ông L, bà H2 số tiền 275.000.000 đồng; của anh Ph số tiền 600.000.000 đồng. Nên án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" là đúng người, đúng tội không oan, sai. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, bị cáo có bà nội là bà Mẹ Việt Nam anh hùng; ông nội là liệt sĩ; bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nhưng án sơ thẩm chưa cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ này, số tiền bị cáo chiếm đoạt là không lớn như các vụ án khác; sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo cùng vợ chồng ông L, bà H2 thỏa thuận và mẹ bị cáo là bà Lê Tuyết Ph đã bồi thường cho ông L nhận theo Biên nhận (nhận tiền mặt) ngày 12/02/2023 với số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); nên xin Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ vừa nêu để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để sớm hòa nhập với cộng đồng.

Đối với việc công chứng thì bị cáo không biết Văn phòng công chứng Lê Thành H1 mà việc công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh Ph là do anh Ph dẫn đến, Công chứng viên chỉ công chứng giấy tờ thực tế, bị cáo và bị hại Ph không có yêu cầu giám định trước khi công chứng.

- Bị hại Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo đã nêu trên, không cung cấp chứng cứ mới. Bị hại Ph thừa nhận trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông L do bị cáo làm đại diện thì anh không có đi xem xét thực tế thửa đất chuyển nhượng ở đâu, thực tế sử dụng như thế nào, ai đang quản lý…mà chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để quyết định nhận chuyển nhượng.

- *Anh Trần Việt X, trình bày*: Việc Công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L với anh Ph do bị cáo D làm đại diện là đúng quy định, Công chứng viên thức hiện theo yêu cầu công chứng thực tế giấy tờ tài liệu do người yêu cầu công chứng cung cấp và không có yêu cầu giám định tài liệu, giấy tờ trước khi công chứng; theo đó Văn phòng công chứng chỉ thực hiện thu phí theo quy định, không có lợi ích gì khác trong việc công chứng, nên không đồng ý đối với kháng cáo của bị hại Ph.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Kiều D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, không oan, sai. Mức hình phạt Tòa sơ thẩm tuyên phạt là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo cung cấp chứng cứ mới là mẹ bị cáo đã bồi thường cho bị hại Liêm số tiền 200.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, nhưng tình tiết này cũng không đủ để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt

cho bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm về hình phạt.

- *Đối với kháng cáo của bị hại Ph, xét:* Luật công chứng không quy định việc công chứng bắt buộc phải giám định tài liệu trước khi công chứng, Công chứng viên thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là theo yêu cầu của bị hại và bị cáo, quá trình công chứng không phát hiện được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả thì công chứng viên không có lỗi do người yêu cầu công chứng không phát hiện và cũng không có yêu cầu giám định trước khi công chứng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Ph.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày:* Tòa sơ thẩm và đại diện Viện kiểm sát kết luận bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" là đúng người, đúng tội không oan, sai. Luật sư chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận; bị cáo có bà nội là bà Mẹ Việt Nam anh hùng; ông nội là liệt sĩ, bị cáo có con còn nhỏ, số tiền chiếm đoạt không lớn so với các vụ án khác, hoàn cảnh gia đình khó khăn, sau khi xét xử sơ thẩm bà Lê Tuyết Ph mẹ của bị cáo đã bồi thường cho bị hại Liêm được số tiền 200.000.000 đồng (có biên nhận ngày 12/02/2023 của bị hại Liêm ký) nên đề nghị cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự và chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

- *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Ph, trình bày:* Quá trình công chứng Công chứng viên và Văn phòng công chứng Lê Thành H1 đã không thực hiện đúng quy định của Luật công chứng nên đã không phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị cáo cung cấp là giả, nên Luật sư đồng ý với các lý do kháng cáo của bị hại Ph và yêu cầu hủy án sơ thẩm do chưa giám định giấy ủy quyền của bị hại Liêm và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm như kháng cáo của bị hại Ph đã nêu.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Kiều D và kháng cáo của bị hại Nguyễn Trần Ly Ph1 là còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật trong việc mua bán (chuyển nhượng) đất và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trong giao dịch

từ đó bị cáo D đã tạo được lòng tin đối với các bị hại và chiếm đoạt tài sản của họ, cụ thể: Bị cáo D đã chiếm đoạt của ông L, bà H2 số tiền 275.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Nguyễn Trần Ly Ph1 số tiền 600.000.000 đồng.

Theo đó, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông Lê Văn L, bà Đỗ Thị H2 và ông Nguyễn Trần Ly Ph1 là 875.000.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 4 Điều 174 và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức" theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Kiều D.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về tài liệu hoặc giấy tờ khác. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp, gây dư luận xấu trong nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa Ph, bị cáo đã dùng tài liệu giả để chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn của người bị hại thuộc tình tiết định khung tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 12 đến 20 năm hoặc tù chung thân; bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (02 lần) thuộc tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; ngoài ra, nhân thân của bị cáo đã bị Tòa án xử phạt 09 tháng tù về tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như bị cáo có bà nội là bà Mẹ Việt Nam anh hùng; ông nội là liệt sĩ.

Xét, Tại phiên tòa cấp phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi sử dụng tài liệu giả để lừa dối chiếm đoạt của ông L, bà H2 số tiền 275.000.000 đồng, chiếm đoạt của anh Ph số tiền 600.000.000 đồng, bị cáo nhận thấy ăn năn, hối cải; gia đình bị cáo thật sự khó khăn do bị cáo đã ly hôn chồng và có con nhỏ nhưng sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình và mẹ bị cáo là bà Lê Tuyết Ph đã bồi thường được cho bị hại Liêm số tiền 200.000.000 đồng theo Biên nhận nhận tiền mặt ngày 12/02/2023, nên Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo được hưởng các tỉnh tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và do đó có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của người bị hại ông Nguyễn Trần Ly Ph1:

Quá trình điều tra đã xác định ông Lê Thành H1 và ông Trần Việt X đã thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục công chứng, hồ sơ lưu đúng quy định của luật công chứng, thể hiện tính công khai, minh bạch. Khi thực hiện thủ tục công chứng ông Hưng và ông Xô đã yêu cầu bị cáo D và ông Ph1 xuất trình các giấy tờ, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng bản gốc để thực hiện thủ tục công chứng theo quy định tại Điều 40, Điều 41 Luật công chứng. Toàn bộ số tiền bị cáo D chiếm đoạt của ông Ph1, ông Hưng và ông Xô không biết cũng không có hưởng lợi riêng, Văn phòng Công chứng Lê Thành H1

chỉ thu tiền phí công chứng theo quy định pháp luật. Các giấy tờ giả mà bị cáo D sử dụng được làm tinh vi bằng mắt thường không thể nào phát hiện ra được mà phải thông qua kỹ thuật giám định mới xác định được. Do đó, ông Hưng và ông Xô không có lỗi trong trường hợp này, việc người bị hại kháng cáo yêu cầu truy tố, xét xử ông Lê Thành H1 và ông Trần Việt X về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" và buộc bồi thường số tiền 504.000.000 đồng là không có căn cứ. Mặt khác, trong việc này bị hại Ph cũng là người có lỗi vì khi lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà không đi xem xét thực tế thửa đất ở đâu, có được phép chuyển nhượng hay không và mức lãi ông Ph1 cho bị cáo vay cũng là mức lãi luật cấm nên ông Ph1 cần phải rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân và có ý thức chấp hành pháp luật tốt về sau.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo; không chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; chấp nhận kháng cáo của bị cáo D và không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Trần Ly Ph1; sửa một phần bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Kiều D không phải chịu; kháng cáo của bị hại không được chấp nhận nên bị hại Nguyễn Trần Ly Ph1 không phải chịu 300.000 đồng.

[7] Quyết định khác của án sơ thẩm án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Kiều D; không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Trần Ly Ph1; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HS-ST ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 48, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Kiều D phạm tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* và phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kiều D 03 (ba) năm tù về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* và 11 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm tù; Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 14/02/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Kiều D có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Văn L và bà Đỗ Thị H2 số tiền 275.000.000đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Được trừ đi 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) mà bà Lê Thị Tuyết (mẹ bị cáo) đã trả và ông Lê Văn L đã nhận theo Biên nhận (nhận tiền mặt) ngày 12/3/2023. Còn lại bị cáo D phải hoàn trả tiếp là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

+ Buộc bị cáo Nguyễn Kiều D có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Trần Ly Ph1 số tiền 504.000.000đ (năm trăm lẻ bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí hình sự phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Kiều D không phải chịu.

- Ông Nguyễn Trần Ly Ph1 phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000051 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau (2);
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau.
Trại TG CC tỉnh Cà Mau "Để tống đạt cho bị cáo" (2);
- BH, NLQ (3)
- Lưu hs (2) vp (5) 21b (án 09)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tửu